

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật Đất đai năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 48/TTr-STP ngày 25 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật Đất đai năm 2024 (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Các sở, ngành được phân công chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được luật giao bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hạng.

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

DANH MỤC

Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật Đất đai năm 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Tên Luật	Ngày có hiệu lực	STT	Nội dung được giao quy định chi tiết	CQ chủ trì soạn thảo	CQ phối hợp soạn thảo	Thời gian trình
Luật Đất đai	01/01/2025	01	Khoản 4 Điều 102: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng quy định tại Điều này để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất”	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sau khi Chính phủ quy định chi tiết Điều này
		02	Khoản 6 Điều 103: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo quy trình sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất”	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV năm 2024
		03	Khoản 2 Điều 104: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường tại khoản 1 Điều này”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV năm 2024

Tên Luật	Ngày có hiệu lực	STT	Nội dung được giao quy định chi tiết	CQ chủ trì soạn thảo	CQ phối hợp soạn thảo	Thời gian trình
		04	Khoản 5 Điều 141: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện, tập quán tại địa phương quy định cụ thể hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV năm 2024
		05	Khoản 5 Điều 176: “Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối không quá hạn mức giao đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV năm 2024
		06	Khoản 3 Điều 177: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV năm 2024
		07	Khoản 2 Điều 195: “Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV năm 2024
		08	Khoản 2 Điều 196: “Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại đô thị”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV năm 2024

Tên Luật	Ngày có hiệu lực	STT	Nội dung được giao quy định chi tiết	CQ chủ trì soạn thảo	CQ phối hợp soạn thảo	Thời gian trình
		09	Khoản 4 Điều 213: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nhu cầu thực tế về hoạt động tôn giáo và khả năng quỹ đất của địa phương để quy định hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV năm 2024
		10	Khoản 4 Điều 220: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, quy định khác của pháp luật có liên quan và phong tục, tập quán tại địa phương để quy định cụ thể điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV năm 2024